

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HC-ST
Ngày: 25 - 8 - 2023
V/v “Khiếu kiện quyết định bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Huy Châu;

Ông Lê Anh Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 17/2023/TLST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: 328/76/15 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Dương Minh H, sinh năm 1963, nơi cư trú: H khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang – là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền và công chứng số 1678 cùng ngày 23/9/2022 tại Văn phòng C1, tỉnh An Giang) (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố L;

Địa chỉ: NTH, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Bà Đặng Thị Hoa R - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Văn N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L – là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 2568/UBND-NC ngày 30/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L) (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Quang T - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L (Văn bản số 2569/GYC-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L)

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Hoàng S do ông Dương Minh H (sau đây gọi tắt là ông S, ông H) trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng S có diện tích đất 1.645m², tọa lạc tại khóm T, phường M, thành phố L; thửa số: 173, tờ bản đồ 87, loại đất: LNK được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận số CS13859 ngày 30/5/2019.

Ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 5117/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ số B X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L.

Cùng ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 5118/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ số B X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số tiền 2.417.469.560 đồng, gồm các khoản:

- Bồi thường chi phí về đất: 2.074.345.000 đồng
- + Đất CLN $1.645\text{m}^2 \times 1.261.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.074.345.000$ đồng;
- Bồi thường chi phí về nhà và vật kiến trúc: 6.874.560 đồng
- + Trại $6,82\text{m}^2 \times 1.008.000\text{đ}/\text{m}^2 = 6.874.560$ đồng.
- Bồi thường chi phí về cây trồng và vật nuôi: 336.250.000 đồng.

Ngày 22/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ số B X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số tiền 613.800.000 đồng, gồm các khoản:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: $1.645\text{m}^2 \times 360.000\text{đ}/\text{m}^2 = 592.200.000$ đồng
- Hỗ trợ ổn định đời sống: $5\text{nk} \times 12 \text{ tháng} \times 360.000\text{đ}/\text{tháng} = 21.600.000$ đồng.

Nay ông S cho rằng việc UBND thành phố L bồi thường giá trị đất không thỏa đáng; việc hỗ trợ ổn định đời sống và đào tạo, chuyển đổi nghề không phù hợp với quy định pháp luật nên khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ tại 3 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

- Về giá đất bồi thường cho ông S $1.261.000\text{đ}/\text{m}^2$ – giá không hợp lý so với đất xung quanh đã bồi thường trước đó. Vì năm 2019 đã bồi thường cho hộ bà Trần Kim L cùng phường M, cùng loại đất CLN nhưng giá $1.496.000\text{đ}/\text{m}^2$;

đã bồi thường cho hộ ông Phạm Trí D, cùng loại đất CLN, đất thuộc phường M nhưng giá 1.496.000đ/m²; năm 2022 đã bồi thường cho ông Trần Quốc H1 và bà Nguyễn Thị Thu N1 cùng loại đất CLN tại phường M giáp phường M nhưng giá là 1.569.000đ/m²; Mặt khác giá đất thị trường năm 2022 cao hơn năm 2019, gấp 2 đến 3 lần;

- Việc hỗ trợ, ổn định đời sống: đất ông S bị thu hồi là giáp ranh phường M và phường M trong phạm vi 300m nên theo điểm a, b khoản 2 Điều 9 Quyết định số 70/2019/UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A thì phải bồi thường giá đất trung bình cộng 02 vị trí đất là $(158.000\text{đ}/\text{m}^2 + 120.000\text{đ}/\text{m}^2)/2 = 139.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 3$ nhưng theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND thì chỉ nhân giá $360.000\text{đ}/\text{m}^2$ ($120.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 3$) là không đúng quy định;

- Việc hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm: theo điểm a, b khoản 3 Điều 28 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang: những nhân khẩu không phải là cán bộ công nhân viên chức thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm – căn cứ vào nhân khẩu hộ ông S thì có 05 nhân khẩu đều thuộc trường hợp trên nhưng không được bồi thường hỗ trợ đào tạo nghề. Đồng thời căn cứ việc bồi thường cho hộ ông Phạm Trí D năm 2019, có được bồi thường hỗ trợ đào tạo nghề cho 02 nhân khẩu $\times 3.000.000\text{đ}/\text{nk} = 6.000.000\text{đồng}$.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố L có ý kiến tại văn bản số 2739/UBND-NC ngày 07/6/2023:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng. Ngày 23/12/2021, UBND thành phố L đã ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong dự án, trong đó có ông Nguyễn Hoàng S. Ông S đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ; bàn giao mặt bằng và được khen thưởng. Tuy nhiên, ông S khởi kiện hành chính yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L do việc bồi thường giá trị đất không thỏa đáng; việc hỗ trợ ổn định đời sống và đào tạo, chuyển đổi nghề không phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi nghiên cứu các nội dung trên, UBND thành phố L có ý kiến:

1/ Giá đất để tính bồi thường thực hiện theo Điều 8 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân thành phố L thuê Chi nhánh Công ty Cổ phần T1 tại miền T xác định hệ số điều chỉnh giá đất.

- Sau khi đơn vị Chi nhánh Công ty Cổ phần T1 tại miền T xác định xong hệ số điều chỉnh giá đất đã thông qua Hội đồng bồi thường thành phố L vào ngày 20/01/2021 (Biên bản số 08/BB-HĐBT ngày 28/01/2021).

- Ngày 01/3/2021 Ủy ban nhân dân thành phố L gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A Tờ trình số 41/TTr-UBND về việc giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng.

Sau khi xem xét Tờ trình trên ngày 01/4/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A gửi Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh An Giang Tờ trình số 181/TTr-STNMT về việc thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi thu hồi đất dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L và Tờ trình số 877/STNMT-ĐĐ gửi Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh An Giang về việc thẩm định dự thảo Phương án giá đất để tính tiền bồi thường thực hiện dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L.

Sau khi thẩm định xong giá đất bồi thường, ngày 20/4/2021 Hội đồng thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang công văn số 44/CV-HĐTĐGD về việc thẩm định Phương án giá đất để tính tiền bồi thường để thực hiện dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L.

- Ngày 28/4/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A gửi UBND tỉnh A Tờ trình số 232/TTr-STNMT về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L.

- Ngày 10/5/2021 UBND tỉnh A ban hành quyết định số 968/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng, phường M, thành phố L.

2/ Đối với các chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: ông Nguyễn Hoàng S đã được hỗ trợ $1.645 \text{ m}^2 \times 360.000 \text{ đồng/m}^2 = 592.200.000 \text{ đồng}$ giá hỗ trợ áp dụng điểm b khoản 2 phần 6 đất nông nghiệp phường M tại Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: $5 \text{ nk} \times 12 \text{ tháng} \times 360.000 \text{ đ/nk/tháng} = 21.600.000 \text{ đồng}$ áp dụng điểm c khoản 1 Điều 27 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A. - Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A quy định như sau: Người bị thu hồi đất khi có nhu cầu đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm thì được xem xét theo quy định. Tuy nhiên, tại biên bản ghi các nội dung tiếp nhận ý kiến đóng góp của hộ gia đình, cá nhân về giá, chính sách bồi thường khi niêm yết Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng thì ông Nguyễn Hoàng S không đề nghị được đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngoài ra, trong thời điểm thu hồi đất, ông Nguyễn Hoàng S đang đi học ở nước ngoài nên không có cơ sở xem xét hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm.

Do đó, UBND thành phố L nhận thấy: Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L đã ban hành đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, nên không có cơ sở để hủy các quyết định trên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố L có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án: Việc UBND thành phố L ban hành quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Hoàng S để thực hiện Dự án Khu T mở rộng tại phường M, thành phố L là công trình nhằm phát triển kinh tế xã hội. UBND thành phố L ban hành Quyết định hành chính số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ tại 3

X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ do đã ban hành đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật nên không đồng ý hủy 02 Quyết định trên theo yêu cầu khởi kiện của ông S. Vì :

- Về giá đất bồi thường quyền sử dụng đất, UBND thành phố đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất bồi thường của UBND tỉnh A, dựa trên kết quả của Hội đồng thẩm định giá độc lập, có độ tin cậy chính xác và Tờ trình của Sở T tỉnh để xác định. Việc người khởi kiện đưa ra so sánh giá đất bồi thường cho hộ ông D, bà L có vị trí đất khác – thuận tiện đi lại; so với đất ông H1 thì đất tiếp giáp đường nhựa nối đường Phạm Cự L1; thời điểm bồi thường khác nhau. Đất của ông S nằm vị trí xa hơn, chỉ có đường đê đi vào vị trí đất;

- Về hỗ trợ đời sống: UBND thành phố L lấy ý kiến không áp dụng điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 70/2019/UBND ngày 23/12/2019 vì sẽ phát sinh cùng 1 loại đất trong cùng một dự án (các hộ có đất trong và ngoài phạm vi 300m từ đường địa giới hành chính giữa 2 phường) có hai mức giá hỗ trợ khác nhau sẽ dẫn đến khiếu nại. Tại Biên bản ghi các nội dung tiếp nhận ý kiến đóng góp của các hộ gia đình, cá nhân về giá, chính sách bồi thường khi niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư T mở rộng phường M, Tp . thì ông S không có ý kiến về giá hỗ trợ;

- Về hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm: hộ ông D là áp dụng Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh A nên được hỗ trợ (có áp dụng Điều khoản chuyển tiếp khoản 2 Điều 61 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A) và khi bị thu hồi đất ông S phải có ý kiến yêu cầu bồi thường hỗ trợ chuyển đổi nghề thì được xem xét và trường hợp ông S áp dụng Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A, nhưng ông S không có yêu cầu nên không được xem xét theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND. Đồng thời, ông S đang đi học tập ở nước ngoài nên không thể tham gia học đào tạo nghề và các nhân khẩu khác sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng không có ý kiến yêu cầu được học đào tạo nghề.

* Tại phiên tòa:

- Ông H người đại diện ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến: ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án. Theo ông giá đất bồi thường hợp lý phải là 1.339.000đ/m², nhưng xác định không đưa ra được chứng cứ chứng minh về giá đất. Ông S tự nguyện chịu chi phí tố tụng đã tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có ý kiến: vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm UBND thành phố L đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Riêng đối với việc đại diện ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, không tham gia phiên đối thoại là chấp hành chưa nghiêm Điều 55 Luật Tố tụng hành chính.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoàng S có diện tích đất 1.645m^2 tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS13859 ngày 30/5/2019 thửa số: 173, tờ bản đồ 87, loại đất: LNK. Do đất nằm trong Dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng, phường M, thành phố L nên ngày 23/12/2021, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 5117/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Hoàng S, và ban hành Quyết định số 5118/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ số tiền 2.417.469.560 đồng và ngày 22/4/2022, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối tổng số tiền 613.800.000 đồng. Ông S chỉ đồng ý với Quyết định thu hồi đất, không đồng ý với mức bồi thường theo cách tính của UBND thành phố L như trên không tương xứng với giá đất trên thị trường hiện tại.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ phía người bị kiện cung cấp, UBND thành phố L đã thực hiện các quy trình thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ các trường hợp có đất bị thu hồi là đúng qui định pháp luật. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố L là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L: Theo biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2023 của Tòa án, xác định đất của ông S “thuộc khu vực còn lại và giáp ranh giữa phường M và phường M”. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 70/2019/QĐ – UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A về ban hành bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang thì đất của ông Nguyễn Hoàng S thuộc khu vực giáp ranh giữa 02 phường M và M. Do đó giá đất theo quy định của Quyết định số 70/2019/QĐ – UBND là $(158.000\text{đ}/\text{m}^2 + 120.000\text{đ}/\text{m}^2) / 2 = 139.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Như vậy, tiền hỗ trợ phải được tính là $(139.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 3) \times 1.645\text{m}^2$. Tuy nhiên Quyết định số 1128/QĐ-UBND chỉ tính là $(120.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 3) \times 1.645\text{m}^2$ là chưa đúng quy định nên cần phải hủy để UBND thành phố L thực hiện việc hỗ trợ cho đúng quy định nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về yêu cầu hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố L;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về yêu cầu hủy Quyết định số 1118/QĐ –UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L.

Kiến nghị: Đối với trường hợp UBND thành phố L vắng mặt phiên đối thoại là chưa chấp hành nghiêm Điều 55 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kiến nghị, yêu cầu chấp hành nghiêm quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tổ tụng:

Tại phiên tòa, người bị kiện UBND thành phố L do ông Đào Văn N – Phó Chủ tịch đại diện ủy quyền có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố L về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, địa chỉ tại 3 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - là đối tượng bị ông Nguyễn Hoàng S khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố L là quyết định hành chính cá biệt, áp dụng đối với ông Nguyễn Hoàng S. Căn cứ vào Điều 115, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì ông S có quyền khởi kiện và việc khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện (ông S nộp đơn khởi kiện ngày 06/10/2022).

[4] Về nội dung:

Ông Nguyễn Hoàng S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố L vì ông cho rằng 02 Quyết định nêu trên ban hành không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của UBND thành phố L trong việc ban hành Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.

[4.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L.

Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S được ban hành sau khi có Quyết định số

5117/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 về việc thu hồi đất với diện tích đất 1.645m² (Thửa số: 173, tờ bản đồ 87, loại đất: LNK được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS13859 ngày 30/5/2019 cho ông Nguyễn Hoàng S), tọa lạc tại phường M, thành phố L để thực hiện Dự án Khu T mở rộng, phường M, thành phố L. Hai Quyết định trên trên được ban hành phù hợp về thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Về nội dung quyết định: Ông S yêu cầu hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L vì cho rằng nội dung quyết định không phù hợp pháp luật, mà cụ thể chính sách bồi thường, hỗ trợ đất bị thu hồi không thỏa đáng. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần giá bồi thường và chính sách hỗ trợ đất bị thu hồi so với các quy định của pháp luật.

[4.2.1] Về giá bồi thường: Căn cứ vào Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, đã có đính chính tại Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng, theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A tại Tờ trình số 232/TTr-STNMT ngày 28/4/2021. Từ đó, UBND thành phố L có Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu T mở rộng để xác định giá đất bồi thường khi thu hồi quyền sử dụng đất. Tổng diện tích thu hồi thực tế: 13.209,00m², trong đó đất trồng cây lâu năm là 9.048m², đất trồng cây hàng năm là 4.062,6m², đất thủy lợi là 98,4m², tổng số hộ là 10 hộ có đất bị thu hồi (trong đó có hộ ông Nguyễn Hoàng S bị thu hồi 1.645m²) và đã xác định giá đất bồi thường đất trồng cây hàng năm là 1.261.000 đồng/m² khi thu hồi. Xét thấy, trong suốt quá trình thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho các trường hợp có đất thu hồi, UBND thành phố L đã tiến hành các quy trình quy định đúng pháp luật. Do đó, việc áp giá để tính bồi thường cho hộ gia đình ông S giá đất bồi thường đất trồng cây lâu năm là 1.261.000 đồng/m² là có căn cứ đúng pháp luật. Ông S khởi kiện cung cấp quyết định bồi thường cho hộ ông D, bà L, ông H1 để so sánh giá đất được bồi thường của các thửa đất để yêu cầu hủy quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thành phố L đối với nội dung về giá đất là không có cơ sở. Bởi vì chính ông H đại diện ủy quyền cho ông S đã thừa nhận Quyết định bồi thường cho các hộ trên là dự án khác, thời điểm khác và vị trí đất không phải giáp liền ranh với đất của ông S. Điều này, phù hợp với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: phần đất của ông Phạm Trí D có nhà ở và kinh doanh nhà trọ; đất hộ bà L có vị trí đất khác - thuận tiện cho việc đi lại; đất của hộ ông H1 là tiếp giáp đường nhựa nối với đường Phạm Cự L1; còn đất của ông S nằm ở vị trí xa hơn. Mặt khác Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá bồi thường của 02 dự án ở các thời điểm khác nhau. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện yêu cầu giữ nguyên giá đất bồi thường theo Quyết định số 5118/QĐ-UBND là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của

ông S về việc hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố L.

[4.2.2] Về các chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L.

Do ông S là người trực tiếp quản lý diện tích đất 1.645m^2 (đất LNK) bị thu hồi nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Điều 27, Điều 28 của Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang, thì ông S được hưởng chính sách hỗ trợ, gồm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.

Trong đó:

+ Hỗ trợ ổn định đời sống: tại Quyết định số:1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 xác định tiền hỗ trợ ổn định đời sống là 12 tháng x 5nk x 360.000đ/tháng = 21.600.000đồng, là phù hợp quy định.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, cụ thể:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2023 xác định toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Hoàng S có vị trí đất: đất có 1 vị trí; đất nông nghiệp phường M, đất trồng cây lâu năm, khu vực còn lại. Đồng thời, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 vào Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A về ban hành bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh An Giang: “Đối với đất nông nghiệp tại ... khu vực giáp ranh giữa các xã, phường, thị trấn trong cùng huyện, thị, thành phố thì xác định hết thửa đất từ đường địa giới về mỗi bên và vào sâu 300 mét”. Do đó, vị trí đất khu vực nêu trên thuộc khu vực còn lại và giáp ranh giữa phường M, M.

Do đó giá đất ông S theo quy định của Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A là $(158.000\text{đồng}/\text{m}^2 + 120.000\text{đồng}/\text{m}^2) : 2 = 139.000\text{đồng}/\text{m}^2$.

Như vậy tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề phải được tính là $(139.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 3) \times 1.645\text{m}^2$. Tuy nhiên tại Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 chỉ tính $(120.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 3) \times 1.645\text{m}^2$ là không đúng quy định.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm: Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 không nêu phần hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ ông Nguyễn Hoàng S. Phía người bị kiện cho rằng tại biên bản ghi các nội dung tiếp nhận ý kiến đóng góp của hộ gia đình, cá nhân về giá, chính sách bồi thường khi niêm yết Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Khu T mở rộng thì ông Nguyễn Hoàng S không đề nghị được đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm và trong thời điểm thu hồi đất, ông Nguyễn Hoàng S đang đi học ở nước ngoài những nhân khẩu khác sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên không có cơ sở xem xét hỗ trợ đào tạo

nghề và tìm kiếm việc làm. Nhưng ông S do ông H đại diện ủy quyền cho rằng không được giải thích hướng dẫn và ngoài ông S còn có 04 nhân khẩu khác. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định thì người thu hồi đất được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nếu ông S không thuộc trường hợp được hưởng hỗ trợ thì UBND thành phố L cần nêu rõ trong Quyết định bồi thường, hỗ trợ. Đây là thiếu sót của UBND thành phố L trong việc ban hành quyết định.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L, để UBND thành phố L thực hiện việc hỗ trợ cho đúng quy định.

Từ những phân tích, nhận định tại mục [4.2.1] và [4.2.2], xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần: Hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S; Và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu Hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố L về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng S tự nguyện chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đã tạm ứng để thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên ông S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người bị kiện là UBND thành phố L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Vấn đề khác: Đối với trường hợp người bị kiện UBND thành phố L vắng mặt phiên đối thoại là chưa chấp hành nghiêm Điều 55 Luật tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử đề nghị UBND thành phố L cần chấp hành nghiêm quy định pháp luật khi tham gia tố tụng như kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 32, 115, 116, khoản 1 Điều 157, 193, 194, 204, 206, 348, 358 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015

- Điều 9 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S.

Hủy Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND thành phố L về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố L về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hoàng S.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng S tự nguyện chịu số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đã tạm ứng để thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Người bị kiện UBND thành phố L phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hoàng S được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000230 ngày 10/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng S do ông Dương Minh H đại diện theo ủy quyền được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ủy ban nhân dân thành phố L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Tòa Hành chính;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

